

# Kỷ Vật

## ĐỜI NGƯỜI

MX Phan Công Tôn

### 1. ĐỐT BỎ KỶ VẬT TRƯỚC NĂM 1975:

Tôi tốt nghiệp Khoá 9 Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức, nhập Khoá vào ngày 7/10/1959, mãn Khoá sau 1 năm 2 tháng huấn luyện. Tình nguyện gia nhập Liên Đoàn Thủy Quân Lục Chiến và được chuyển về Tiểu Đoàn 3/TQLC vào tháng 12/1960. Sau 6 tháng theo học Anh văn tại Trường Sinh Ngữ Quân Đội tại Sài Gòn, tôi “bị” chuyển về Tiểu Đoàn 1/TQLC từ tháng 9/1962. Gần một năm sau, tôi được Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng Trần Văn Nhựt đề nghị cho đi học một khoá tại Trường Căn Bản Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ tại Quantico, Virginia. Đến năm 1964 về nước, trở lại với Tiểu Đoàn 1/TQLC lúc bấy giờ đang tham gia Chiến Dịch Bình Định Gò Công trong 9 tháng. Tôi nhớ lại, hơn 3 năm trước đó, khi đi hành quân, tôi chưa hề viết Nhật Ký cho riêng mình, nhưng từ năm 1964 trở đi, tôi bắt đầu viết Nhật Ký Đời Tư!

Những năm đầu, vì không để ý lắm đến việc viết lách này, nên tôi mua các cuốn sổ tay rất là ô hợp: kích thước khác nhau, dày mỏng khác nhau, các bìa thì khi cứng khi mềm, do đó, nhật ký của tôi có năm được viết trong 2 cuốn, có năm trong 3 cuốn, nhưng sau khi bị thương\*, “được hay bị?!” chuyển về Phòng 3/Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn/TQLC từ năm

1969 cho đến tháng 4/1975, mỗi năm tôi đều mua những cuốn sổ bìa cứng kích thước giống nhau: 20X28 cm và dày 180 tờ giấy để viết nhật ký, từ đấy, mỗi năm chỉ viết trong một cuốn như vậy thôi.

(\* Tôi bị thương lần thứ 4 vào tháng 10/1968 tại Tây Ninh khi đi hành quân với Tiểu Đoàn 1/TQLC. Tôi bị mổ phổi 2 lần tại Bệnh Viện Cộng Hoà và phải nằm bệnh viện trong gần 5 tháng, qua lại giữa BV Cộng Hoà và BV Lê Hữu Sanh của TQLC tại Thị Nghè, trước khi xuất viện, Hội Đồng Y Khoa/BV Cộng Hoà xếp tôi vào Loại 2 và không còn được phục vụ trong các tiểu đoàn tác chiến, đó là lý do tôi về làm việc tại P3/BTL/SĐ).

Nhật ký của tôi thời còn ở Tiểu Đoàn 1/TQLC, thôi thì hăm bà lằng, viết mọi việc xảy ra hằng ngày, đặc biệt là khi đi hành quân tại khắp 4 vùng chiến thuật, qua các thành phố, quận lỵ, làng xã khác nhau. Tôi thường ghi tóm lược các cuộc hành quân mình vừa tham dự, nhưng lưu ý hơn là các biến cố hay sự kiện “nóng” đang xảy ra tại mỗi địa phương và đặc biệt lôi cuốn và hấp dẫn tôi nhất là ghi lại những cuộc gặp gỡ, qua lại như người quen, như bạn bè, như bồ bịch đối với các phụ nữ mà tôi giao tiếp.

Vì đơn vị TQLC nằm trong Lực Lượng Tổng Trừ Bị, cho nên địa phương nào trong

## Thủ Quân Lục Chiến

khắp 4 Vùng Chiến Thuật, khi phải đối đầu với địch qua những trận đánh lớn đang hoặc sắp xảy ra, thì các đơn vị TQLC được điều động đến để đáp ứng nhu cầu của tình hình chiến sự địa phương. Đó là lý do các đơn vị TQLC cứ “đi xoành xoạch” từ Vùng Chiến Thuật này qua Vùng Chiến Thuật khác, từ thành phố này qua thành phố khác, và dĩ nhiên một số các người mới quen này, chỉ còn liên lạc với tôi qua thư từ mà thôi! Và qua thời gian, qua chằm ngôn “xa mặt cách lòng” dần dần các người quen, các người bạn, các người bồ này cứ rơi rụng qua tháng năm! Thật lòng mà nói, bản tính của tôi lúc nào cũng vui vẻ, hiếu khách, lịch sự và riêng đối với phụ nữ, thì lúc nào tôi cũng “nịnh đầm” và đối xử phải phép. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh của cuộc sống, trong một đơn vị rày đây mai đó, đã đưa đẩy tôi vào cái thế “chẳng đặng đừng” nên đành phải đóng vai kẻ “chém vè” hay “bỏ của chạy lấy người” từ lúc nào mà mình không hay!

Từ năm 1969 cho đến ngày mất nước, tôi làm việc tại Phòng 3/Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC, trừ thời gian theo nhu cầu công tác tôi phải ra Bộ Tư Lệnh ngoài vùng hành quân, thời gian còn lại tôi phải làm việc tại Bộ Tư Lệnh ở Sài Gòn.

Hơn 6 năm cuối cùng của đời lính, làm việc tại một vị trí cố định, đây là khoảng thời gian “lên ruột” nhất đối với tôi! Vì Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn nằm “chần dằn một chỗ” nên không thể “trốn” được khi các bà, các cô đến tìm, và khi giao thiệp với các “người đẹp” sống tại Sài Gòn hay các vùng phụ cận thì không thể nào đóng vai “chém vè” hay “chạy làng” như thời còn “tung hoành” thuở trước. Vì trong hoàn cảnh “khắc nghiệt” như vậy nên tôi chỉ còn một cách là “xổ bầu tâm sự” vào các cuốn nhật ký của mình, tôi đành phải ghi lại những “đau đớn”, “khốn khổ”, “lãnh cái búa”, v.v... đối với các bà, các cô mới quen mấy năm sau này.

Khi còn đi tác chiến với Tiểu Đoàn 1/TQLC qua các chức vụ Trung hoặc Đại Đội Trưởng, tôi thường có một hoặc hai “chú đệ tử” và các hiệu thính viên đi cùng. Khi đi hành quân, mấy thầy trò ăn uống chung với nhau, mấy chú đệ tử này thường phụ mang một ít dụng cụ cá nhân của tôi, và đặc biệt là cuốn Nhật Ký. Tôi dặn, hăm he mấy chú rằng: bằng bất cứ giá nào, không được để cho các người quen hay bạn gái của tôi “chộp” và đọc được các cuốn nhật ký này. Đặc biệt khi Tiểu Đoàn được về nghỉ dưỡng quân tại hậu cứ hay đóng quân vùng ven đô, các cô bạn gái của tôi ở Sài Gòn thường tìm cách đến thăm tôi, nên tôi rất sợ mấy cổ chộp được những điều mà tôi không thể “bật mí” đã ghi lại.

Và cũng theo “phương pháp” và “kế hoạch” của tôi, từ thời 1964 trở đi, mỗi ngày tôi viết nhật ký bằng 3 thứ tiếng: Việt, Anh và Pháp. Đặc biệt, khi viết bằng tiếng Việt, tôi thường viết bằng “tiếng lóng” (do nhóm bạn chúng tôi “chế” ra để nói với nhau), sợ nếu lỡ mấy chú đệ tử có tò mò lên đọc, cũng không biết “ông Thầy viết cái giống gì”?

Khi còn ở Tiểu Đoàn 1/TQLC, mỗi lần đơn vị về hậu cứ, thì các cuốn nhật ký của tôi được cất trong tủ ở nhà kho hay văn phòng mặc dù tôi có thuê 2 căn nhà gần chợ Thủ Đức để ở, nhưng không dám cất trong các tủ tại 2 căn nhà này, vì các cô bạn thường ghé thăm hoặc ngủ lại qua đêm. Còn suốt thời gian làm việc tại Phòng 3 Sư Đoàn, sau khi trả lại 2 căn nhà thuê ở Thủ Đức, tôi có để một ít đồ đạc cá nhân tại nhà ông anh (con bà cô ruột) tại Dakao, và từ đó tôi sống “lang bạc kỳ hồ”, tấp đến ở với các bà các cô (ít nhất là 2 hoặc 3 bà/cô trong cùng một thời gian, suốt hơn 6 năm cuối cùng ở Sài Gòn trước khi Việt Nam Cộng Hoà “sập tiệm”). Và từ khi về làm việc tại Phòng 3/SĐ tôi đã gom tất cả các cuốn nhật ký, đem để trong một ngăn của cái tủ của tôi trong khu phòng ngủ của Sĩ Quan Độc Thân của Bộ Tư Lệnh.

Tôi chỉ ngủ tại phòng này khi đêm phải nói chuyện với Phòng 3 ngoài vùng hành quân thật khuya hoặc những đêm bị cấm trại.

Rồi Tháng 4 Đen đã đến với Việt Nam Cộng Hoà (VNCH), công việc của tôi tại Phòng 3 Sư Đoàn Hậu Cự thật là bận rộn. Tôi phải thường xuyên liên lạc với Phòng 3/Bộ TTM và Biệt Khu Thủ Đô, chạy đi kiểm soát các đơn vị TQLC tại Thị Nghè và các đơn vị hậu cứ tại Căn Cứ Sóng Thần và Trung Tâm Huấn Luyện.

Nhưng Ngày Quốc Hận đã đến với chúng ta! Khoảng hơn 11 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi toàn bộ BTL/SĐ tại trại Lê Thánh Tôn đang trong tình trạng bị cấm trại, chúng tôi nghe qua Đài Phát Thanh Sài Gòn, lời hiệu triệu hay đúng ra là lời của Đại Tướng Dương Văn Minh, tổng thống VNCH đương nhiệm, kêu gọi Quân Lực VNCH buông súng đầu hàng Việt Cộng

Đại Tướng Minh mới được Tổng Thống Trần Văn Hương bàn giao chức vụ Tổng Thống VNCH hôm 28 tháng 4, có nghĩa là mới chưa đầy 43 tiếng đồng hồ, Ông đã đặt VNCH vào ... tử lộ!

Sau hơn 15 phút chói với và kinh hoàng qua lời kêu gọi buông súng đầu hàng, định thần lại, tôi tập họp tất cả anh em thuộc Phòng 3 tại Trung Tâm Hành Quân, cho anh em biết, đành phải thi hành lệnh của Tổng Thống Dương Văn Minh, đành phải ngậm ngùi chia tay, ai về nhà nấy và tự lo lấy thân mình. Nhưng việc đầu tiên tôi yêu cầu anh em đem tất cả hồ sơ và tài liệu của cả ba Ban: Hành Quân, Kế Hoạch và Quân Huấn đem ra phía sân sau, gần bãi đậu xe, nổi lửa để đốt hết số tài liệu này, sau đó tôi cho anh em ... “tan hàng cố gắng”!

Về phần tôi, tôi gọi Hạ Sĩ Tàu, tài xế xe Jeep của Phòng 3, theo tôi vào phòng ngủ của Sĩ Quan Độc Thân, giúp tôi mang tất cả những giấy tờ mà tôi có, liên quan đến Quân Đội, và đặc biệt là hơn 20 cuốn nhật ký và

một số thư từ, hình ảnh (trong các cuốn album) của tất cả những phụ nữ mà tôi từng quen biết và liên lạc, đem đi đốt.

Khi tất cả các cuốn nhật ký, các cuốn album và giấy tờ bị đốt cháy, lửa và khói bốc ra từ cái thùng “phuy”, nước mắt tôi chảy ràn rụa. Khi đứng đốt các tài liệu của Phòng 3, tôi chỉ thấy nao nao buồn, còn khi tôi đang đốt tất cả kỷ niệm buồn vui của đời mình, nước mắt tôi cứ tràn ra, một phần vì khói cay nhưng phần lớn là nước mắt vì tôi đang khóc thật sự!

Sau đó tôi bước lên lầu 2, tới văn phòng của Phòng 3 thăm một lần cuối, trở xuống vào T.O.C. (Trung Tâm Hành Quân, lúc đó không còn ai cả), đi một vòng, ngắm các bàn ghế, các tủ đựng hồ sơ và 5, 6 cái điện thoại trên bàn tôi ngồi làm việc mỗi ngày. Tôi nghĩ, đây là lần cuối cùng tôi nhìn thấy cái hầm của Trung Tâm Hành Quân này, bước ra tới cửa, tôi quay lại, đứng nghiêm và chào tay một lần sau chót! Tôi nhớ chú Tàu lái xe đưa tôi về bên nhà ông anh ở Dakao, hai thầy trò chào tay với nhau, tôi ôm chú Tàu lần cuối và giã từ! Giã từ chú đệ tử đồng đội, giã từ đời lính!

Một luyện tiếc, sáng hôm sau, ngày 1/5/1975, tôi và hai người em ruột: Trung Úy Phan Công Nghiêm (TQLC) và Thiếu Úy Phan Công Trang, (Truyền Tin thuộc Tiểu Khu Tuyên Đức-Đà Lạt, tan hàng, chạy về Sài Gòn và gia nhập vào Tiểu Đoàn Truyền Tin/SĐ/TQLC trong tháng 3/1975), ba anh em mặc thường phục, đi tới Bộ Tư Lệnh/SĐ. Chúng tôi thấy mấy tên lính “tai bèo” của VC đang đứng gác, có một số người đi vào đi ra qua cổng, tôi cũng giả như mình là cán bộ, khi tới cổng tôi nói: “Đồng chí để tui tui dzô trông có dziệc”, thế là ba anh em qua cổng và đi thẳng tới Trung Tâm Hành Quân, không có tên tai bèo nào ở đây cả, khi thấy mấy chùm chìa khoá xe của Phòng 3 (trong đó có chùm chìa khoá xe Jeep của tôi) vẫn còn để trên bàn làm việc của tôi, tôi chụp lấy rồi ra

khu nhà xe, lái xe Jeep chở hai em chạy một vòng Sài Gòn – Chợ Lớn cho tới chiều mới trở về Bộ Tư Lệnh/SĐ/TQLC để trả lại xe.

\*\*\* Tôi có viết chi tiết về đoạn này trong bài “Vài Kỷ Niệm về Bộ Tư Lệnh”, đã cho đăng trong Đặc San Sóng Thần 2008.

### 2. KIẾN TẠO ... KỶ VẬT THỜI GIAN TRONG TÙ:

Mấy ngày cuối cùng của tháng 4/1975, mặc dù có phương tiện để “dzọt” nhưng tôi quyết định ở lại và dĩ nhiên: đi tù! Năm đầu tại 2 trại Long Giao và Suối Máu, đầu năm 1976, tàu Sông Hương đưa ra Hải Phòng, hai ngày sau Molotova chở ra Sơn La, rồi từ đó đi vòng vo qua các trại khác nhau trong vùng Yên Bái, Hoàng Liên Sơn, v.v... (do Bộ Đội quản lý).

Đến tháng 10/1978, Trung Cộng sắp tấn công nên chúng chuyển chúng tôi qua trại do Công An quản lý, đó là trại Thanh Cẩm ở tỉnh Thanh Hoá. Giữa năm 1983 tôi được chuyển qua trại Lam Sơn, cũng tỉnh Thanh Hoá, tháng 8/1983 được chuyển về Nam, trại Gia Rai (Xuân Lộc) và được thả ra vào cuối năm 1984.

Tóm lại, qua gần 10 năm đi tù dưới chế độ Cộng Sản, tôi phải qua 9 trại tù (3 trong Nam và 6 ngoài Bắc), bị đặt dưới sự kiểm soát và kèm chế rất ư là gắt gao qua mọi trại tù và đặc biệt là qua các đợt “kiểm nghiệm” mỗi tuần, mỗi 2 tuần hay mỗi tháng một lần, tùy theo trại.

Bọn cán bộ trong các trại tù gọi “kiểm nghiệm” có nghĩa là đem tất cả “gia tài” của tù bày ra sân để chúng lục soát từng ly từng tí, xem “bọn Ngụy” này có dấu những thứ gì có thể gây nguy hiểm đến an ninh của trại, của cán bộ hoặc làm những điều qua mặt cán bộ và không tuân hành theo nội quy của trại, v.v... Đi tù, ai cũng “nhợn cơ” vì những lần kiểm nghiệm này, tuy nhiên qua nhiều năm tháng, tích lũy được nhiều kinh nghiệm nên “phe ta” mưu lược hơn và qua mặt chúng

trong những việc làm thật là... ngoạn mục. Phần tôi, với sự yểm trợ và giúp đỡ của một số bạn tù thân thiết, tôi đã nhiều lần qua mặt chúng và thực hiện được hai “kỷ vật trong tù” sau đây:

### A. THỰC HIỆN CUỐN “NHẠC NGUY” VÀ “NHẠC NƯỚC NGOÀI”

Trong những năm từ 1980-1982 tại trại Thanh Cẩm, chúng tôi có một nhóm bạn thân gây lên một “phong trào” ca hát “NHẠC NGUY” và “NHẠC NƯỚC NGOÀI”, dĩ nhiên là lén lút, vì hai thứ này tối kỵ với cai tù nên bị cấm tuyệt đối.

Theo nội quy của trại, Chủ Nhật là ngày các cải tạo viên được phép “Nổi Lửa Lên Em” (tên một bài hát của VC) nhưng chúng tôi nói tặc lại là ngày “cho phép được nấu nướng”. Theo qui luật của trại, chiều Thứ Bảy khi đi lao động về, mỗi người tù được phép đem vào trại một bó củi nhỏ để nấu nướng trong ngày hôm sau. Do đó khi anh em trong buồng (tên gọi một căn nhà chứa được khoảng từ 100 cho đến 120 người tù) đang “nổi lửa lên em” phía sau buồng, thì số anh em đàn hát, lấy guitar ra và tụ nhau ở góc sân sau, bắt đầu ca hát (dĩ nhiên là các bài hát phe ta và các bài hát ngoại quốc như Anh và Pháp...) Phải đặt một người ngồi tại cổng đi vào buồng, nếu có anh “chèo” (cán bộ) nào vào, thì ra dấu cho phe ta biết để “đổi tông”, đổi sang hát những bài hát “cắt mạng”, ví dụ bài “Như có bác hồ trong ngày vui đại thắng” chẳng hạn ... Khi cai tù đi ra khỏi buồng, phe ta bèn trở lại... “Vũ Như Cẩn”! Còn những ngày thường, sau khi đi lao động về, ăn bo bo, khoai, sắn xong, cai tù điểm số tù, cho vào buồng và khoá cửa lại. Sau phần kiểm điểm công tác lao động trong ngày, đến phần “đọc báo học tập chính trị” xong, nhóm phe ta lại tụ nhau lại để đàn hát “nhạc Ngụy, nhạc Phản Động và nhạc Nước Ngoài”. Dĩ nhiên phải có người canh me để phe ta không bị bắt quả tang.

Trong nhóm chúng tôi có nhiều người có trình độ học vấn cao, trình độ nhạc lý cũng giỏi và giỏi cả về ngoại ngữ như Anh và Pháp, nổi bật nhất là hai anh: Dương Văn Lợi và Nguyễn Cao Quyền.

\* Anh Dương Văn Lợi là kỹ sư công nghệ tốt nghiệp tại Đại Học Kỹ Thuật Phú Thọ, sau đó đi tu nghiệp bên Pháp, khi về nước, làm việc trong Dinh Độc Lập dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau khi TT Ngô Đình Diệm bị lật đổ, anh xuất ngũ, ra mở công ty xây dựng. Thời Mỹ qua Việt Nam, anh thầu xây dựng công sự và phi trường cho Mỹ. Do đó, sau 30 tháng 4/1975 anh bị Việt Cộng ghép tội là làm việc cho CIA nên bị đi tù. Năm 1979, anh Lợi được mẹ và người em trai từ Sài Gòn ra thăm nuôi. Anh đã viết thư về nhà xin mua một cây đàn guitar và mẹ anh đã cầm cây đàn đó ra cho anh. Vào trại, anh cho tôi cây guitar thứ thiệt này (vì anh không biết đàn, chỉ muốn có cây đàn để tặng cho tôi vì anh rất quý mến tôi và xem tôi như một người em và đặc biệt, thời gian đó tôi đang tập đàn Classic); trong khoảng thời gian này có nhiều anh em trong trại rộ lên phong trào “tự chế” đàn guitar “dỏm” để chơi. Tháng 4/1981 anh được thả và tháng 10/1981 anh phối hợp với người em ruột và một số bạn của người em, trong đó có 2 phi công trực thăng của Việt Cộng, tổ chức cướp trực thăng tại phi trường Bạch Mai (Hà Nội) để đào thoát qua Quảng Tây, Trung Quốc. Năm 1983, toán của anh Lợi từ Trung Quốc lại vượt biển qua Phi Luật Tân và cuối cùng được cho định cư tại Pháp. Năm 1992, anh Dương Văn Lợi xuất bản một cuốn hồi ký dài 504 trang, cho in tại Virginia (USA) mang tên: “Hà Nội Báo Động Đỏ”, trong đó có nói chi tiết về lần cướp trực thăng tại phi trường Bạch Mai, Hà Nội. Vợ chồng anh và gia đình đang sống tại Paris, năm 2012 vợ chồng tôi có sang thăm và ở tại nhà anh chị Lợi và cùng đi Tour vùng phía Nam nước

Pháp, qua Thụy Sĩ, Ý Đại Lợi, Thánh Quốc Vatican, Tiểu Vương Quốc Monaco ... (Tôi có viết bài “Bán Sách và Đi Tây” thuật lại chi tiết chuyến đi này và bài này có đăng trong Đặc San Sóng Thần 2013).

\* Anh Nguyễn Cao Quyền là một cựu Đại Tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, xuất thân từ Trường Võ Bị Saint-Cyr (Pháp), Thẩm Phán Quân Pháp, Chánh Án Tòa Án Đặc Biệt, Cố Vấn Ngoại Giao tại nhiệm sở Paris. Năm 1973 về nước, dự trù sẽ qua làm việc tại Nam Hàn, chưa kịp đi thì bị mất nước và phải đi tù 10 năm. Anh chị và gia đình đang sống tại thành phố Potomac, Maryland, (gần Washington, D.C.). Anh là một nhà Biên Khảo chính trị xuất sắc và đã xuất bản 2 cuốn sách:

- Việt Nam trong chiến tranh tư hữu (năm 2010)
- Việt Nam trong viễn tượng Dân Chủ Toàn Cầu (năm 2011)

Năm 2012, khi tôi xuất bản Tuyển Tập Truyện Ngắn “Vùng Trời Quê Bạn” thì có hai ông anh: Nguyễn Cao Quyền và Trần Nhật Kim (cùng trại tù Thanh Cẩm với anh Quyền và tôi) viết lời bạt cho tuyển tập này. Tôi rất quý trọng hai Ông Anh này, năm 1998 vợ chồng tôi có qua thăm hai anh ở Virginia và cho tới bây giờ chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua email và điện thoại.

Trở lại câu chuyện nhóm chúng tôi đàn hát nhạc trong miền Nam sáng tác và nhạc ngoại quốc mà chúng tôi ưa thích và còn nhớ điệu và lời. Có những bài hát (Việt, Anh, Pháp) mà anh em trong buồng hay trong nhóm chúng tôi không nhớ hết lời, thì khi đi lao động hoặc những lần tập họp toàn trại trước sân lớn hay trong hội trường, chúng tôi có nhiệm vụ hỏi thêm từ các người bạn khác, từ các đội và các buồng khác. Điều mà nhóm chúng tôi “khoái” nhất là một số bài hát có lời Việt hay Anh đã được anh Quyền dịch sang lời Pháp và ngay cả một số bài hát

## Thư Quân Lục Chiến

lời Việt cũng được dịch sang lời Anh, v.v... Và cứ như thế trong vòng gần 2 năm, tôi đã mò mẫm chép lại tất cả các bài hát này, đóng thành một cuốn nhạc (chỉ có lời thôi nhưng không có nốt nhạc). Khi cuốn nhạc hoàn thành, tôi đánh số trang, ghi lại mục lục, v.v... đếm được 188 trang và có tất cả 108 bài hát (có nhiều bài chỉ gom lại được vài đoạn chứ không đủ hết cả bài).

Các bài hát ngoại quốc cũ, xa xưa như: Mexico, Guantanamo, Sans elle, Roméo et Juliette, Et pourtant, Green fields, The house of the Rising sun, L'histoire d'un amour, Aline, Bambino, Adieu mon pays, Oui devant Dieu, It's now or never, Beautiful Sunday, J'entends siffler le train, v.v... (tôi chỉ ghi lại vài bài mà thôi). Các bài hát tiếng Việt như: Lính Đa Tình, Những Ngày Nghỉ Phép, Làm Quen Với Lính, Tình Thư Của Lính (mấy bài này nếu bị Vẹm chộp được thì bị "Kiên Giam" mút chỉ!), Thuý Đã Đi Rồi, Kỷ Vật Cho Em, Lá Đổ Muôn Chiều, Nước Mắt Quê Hương, Nghìn Trùng Xa Cách, v.v

\*\* Ví dụ, một đoạn trong bài "Giọt Mưa Trên Lá" được dịch ra lời Anh và Pháp để hát:

. Giọt mưa trên lá, nước mắt mẹ già, đã  
chã đầm đìa trên xác con lạnh giá

Giọt mưa trên lá, nước mắt mặn mà, thiếu  
nữ mừng vì tan chiến tranh chông về ...

. The rain on the leaves is the bitter tears  
when the mother hears her son is no more

The rain on the leaves is the tears of joy,  
of the girl whose boy returns from the war..

. Il pleut sur les feuilles comme les larmes  
d'une mère sur un corps de pierre, son fils  
mort en guerre

Il pleut sur les feuilles la jeune femme  
reconnait embrassant d'un trait son homme  
et la paix ...

**B. CHÉP LẠI TOÀN BỘ CUỐN TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT.**

Cũng tại trại Thanh Cẩm trong những năm 1980 cho đến 1982, một anh bạn thân

của tôi, ở khác buồng và khác dãy với tôi, không biết bằng cách nào anh ta "chui" được vào trại một cuốn Tự Điển Anh-Việt. Theo đề nghị của một số bạn thân anh phải "tản" cuốn tự điển này ra cho vài người bạn thân tín để họ "bảo vệ" dùm cái "báu vật" hay cái "ách" này! Gọi là cái "ách" vì lẽ: sợ bị "chộp" khi các quân giáo đi kiểm soát qua các cuộc kiểm nghiệm thường kỳ hay bị mấy thằng "ăng ten" đi báo cáo với cán bộ thì chắc chắn chủ nhân ông của cuốn tự điển này sẽ bị "lãnh cái búa".

Sau khi so đo và tính tới tính lui cả tuần lễ, anh chọn quyết định cuối cùng: cuốn tự điển được cắt ra làm 3 phần: tôi phụ trách giữ phần 1: (A - I), chủ nhân giữ phần 2: (J-R), và anh bạn còn lại, giữ phần 3: (S-Z).

Giai đoạn này, nhóm ca hát của tôi đang "hoạt động mạnh", tôi thì quá bận qua việc tập đàn Classic, hò hát chung và ghi chép lời các bài hát vừa được gom góp các lời. Và tôi bắt đầu chép lời tất cả các bài hát mà tôi gom được v.v... Do đó, khi đem về buồng phần 1 của cuốn tự điển, tôi đem đi dấu cả tháng không thèm



ngó ngang gì tới nó cả, nhất là những lần bị kiểm nghiệm, phải đem đi "ém" vào một nơi bí mật cả cuốn viết lời nhạc và một phần của cuốn tự điển này. (\*\*Phần sau, tôi sẽ "bật mí" tôi đã "ém" các "báu vật" này ở đâu?).

Khoảng hai tháng sau, lúc nào rảnh và

có thể, tôi moi phần 1 của cuốn tự điển ra để lén lút học thêm một số ngữ vựng và tôi đâm ra mê cái việc học lén này. Về sau, tôi bật ra ý nghĩ: chép lại cuốn tự điển ... Thế là, tôi lại có thêm một công tác ghi chép nữa!

Khi chép lời các bài hát, tôi “xoay” được những xấp giấy trơn (không có gạch hàng), nhưng để chuẩn bị cho việc chép tự điển, tôi đã nhờ một số bạn có thân nhân sắp ra thăm nuôi, mua dùm loại giấy trắng có gạch hàng. Sau khi có được loại giấy ấy, tôi bắt đầu chép tự điển.

Khi lao vào công việc này, tôi rất là chăm chỉ và cần mẫn. Tôi dùng viết mực màu xanh lá cây, phải tập trung khi viết để không bị sai (để khỏi phải xoá), đặc biệt khi viết phần phiên âm quốc tế, càng phải chính xác. Cuốn tự điển chép tay của tôi, ngay cả bây giờ dỡ ra coi lại, tôi cũng phải khen và thán phục cho chính mình. Vì lúc đang trong tù, với cái đói triền miên nhưng phải lao động te tua, và dưới chế độ công an trị trong tù, với biết bao cay đắng tủi nhục và bị kềm kẹp gắt gao như vậy mà tôi đã hoàn thành một “công tác để đời”!

Sau khi chép xong phần 1 của tôi, tôi đổi cho anh bạn để lấy phần 2, và khi xong, thì đổi lấy phần 3. Cuối cùng tôi đã hoàn thành viết hết toàn bộ cuốn tự điển Anh-Việt này. Tôi len lén đem cho anh bạn chủ nhân cuốn tự điển coi cuốn “tự điển của tôi”, anh ta ôm choàng lấy tôi và sau đó, với rơm rớm nước mắt, anh ta hốt hển và nói trong nghẹn ngào: “Anh Tôn, tôi rất nể và phục anh sát đất. Anh đúng nghĩa là Số Một”, trong khi nói anh còn xá xá tôi mấy cái ...

### 3. PHẦN GHI CHÚ ĐẶC BIỆT:

A. “Ém” Cuốn Chép Các Bài Hát và Cuốn Tự Điển chép tay (mà tôi gọi là 2 “báu vật”) ở đâu khi bị Kiểm Nghiệm?

Mấy năm đầu ra Bắc, ở trong các trại do Bộ Đội quản lý, nhà ở và sạp nằm đều được làm toàn bằng tre và nứa, do đó “phe ta” dễ đem đi dấu những thứ bị trại cấm. Còn khi về

trại do Công An quản lý thì tất cả các buồng được xây bằng gạch và xi măng. Các bệ ngủ bên dưới được xây bằng xi măng, sạp ngủ bên trên được làm bằng gỗ, do đó không có chỗ nào (ngay cả tại những góc, kẹt) có thể đem “ém” bất cứ vật gì dù nhỏ.

Mỗi lần bị Kiểm Nghiệm, tôi dùng nhiều bao ny lông gói chúng lại rồi đem dìm chúng xuống cái “vũng nước đọng” từ nhà vệ sinh trong buồng chảy ra, dù vũng nước có mùi hôi, nhưng đây là địa điểm lý tưởng để “ém” những thứ cấm kỵ. Suốt mấy năm tôi ở tại buồng 5, mỗi lần có Kiểm Nghiệm, tôi đều đem 2 báu vật này dấu nơi hôi thúi đó, nhờ vậy mà thoát nạn. Các bạn tù rất thân của tôi thường chọc ghẹo và nói: “Sản phẩm của bạn có ... mùi”.

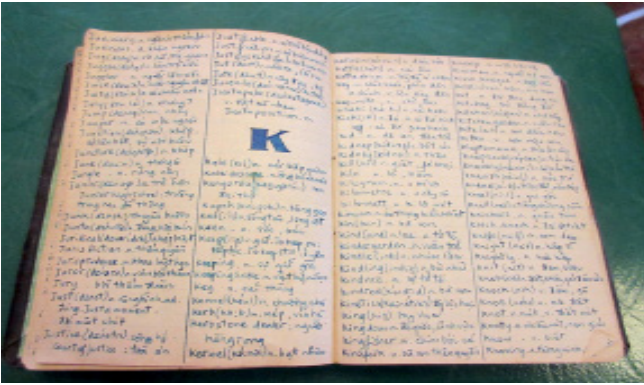
B. Gửi cuốn “Chép Lời Các Bài Hát” về Thị Nghè

Vào dịp Tết Nguyên Đán năm 1982, một anh bạn của tôi có bà xã ra thăm nuôi, gia đình anh ở vùng chợ Bà Chiểu. Tôi nảy ra ý kiến nhờ bà xã anh mang cuốn chép lời nhạc của tôi về nhà, sau đó đem nó qua gửi bên gia đình anh nuôi tôi bên Thị Nghè.

Do sự sắp xếp trước, đúng ngày vợ người bạn thăm nuôi xong, ra về, hôm đó Đội của tôi lao động tại vùng đồi trồng hồ tiêu. Tôi đã dấu cuốn nhạc trong bụng khi xuất trại đi lao động, ra tới “hiện trường”, tôi lén đặt cuốn nhạc dưới một cục đá bên phải con đường dốc, cạnh ngã ba rẽ lên đồi hồ tiêu (bà xã anh bạn tôi đã được chồng dặn kỹ cái “địa điểm mốc” này). Các bà thăm nuôi xong, phải đi về trên con đường duy nhất này. Tôi lao động trên đồi hồ tiêu, cứ canh me nhìn xuống đồi, khi thấy người đàn bà mặc áo xanh da trời (đã được anh bạn thông báo trước, coi như dấu “mật mã”) tạt vào “điểm hẹn” để “lấy hàng”, tôi thở phào nhẹ nhõm! Khoảng tháng sau, tôi nhận được thư của ông anh nuôi ở Thị Nghè viết ra thăm hỏi, trong đó có câu: “Hôm qua cô H. bên chợ Bà

## Thư Quân Lục Chiến

Chiều có ghé qua thăm anh chị và cho quà. Mấy đứa cháu nội vui quá, cứ ca hát líu lo!" Khi đọc câu này, tôi biết đây là "code" ông anh muốn nói là "đã nhận được cuốn bài hát rồi. (Tên của bà xã bạn tôi không bắt đầu bằng chữ H. nhưng anh viết: "Cô H." và "mấy đứa cháu nội vui quá, cứ ca hát líu lo" toàn là HÁT với HÁT, như vậy là đã nhận được cuốn chép các bài HÁT rồi!)



C. Cuốn Tự Điển chép tay theo tôi xuôi Nam.

Cuốn Tự Điển chép tay của tôi (dày 380 trang) được người bạn tù trẻ tuổi Bùi Viết Dũng đóng gáy và làm bìa cứng, khởi sự: 23-10-1982 và hoàn tất: 29-11-1982. Trang cuối cùng, Dũng viết và ký tên để tôi lưu làm kỷ niệm.

Vào khoảng tháng 6/1983, tôi và hơn 20 người bạn tù được chuyển từ trại Thanh Cẩm sang trại Lam Sơn (cũng trong tỉnh Thanh Hoá), tới đây mới biết Nhà Văn Quân Đội Phan Nhật Nam đang bị nằm kiên giam ở trại này. Sau gần 2 tháng lao động đập đá tại vùng này, chúng tôi được chuyển ra nhà ga Thanh Hoá và cho đi bằng xe lửa để chuyển vào trại Xuân Lộc (Đồng Nai).

Trong năm 1984, một lần anh chị nuôi tôi từ Thị Nghè đi xe gắn máy lên thăm tôi ở trại Xuân Lộc, tôi đã "chui" được cuốn tự điển này ra nhà thăm nuôi và nhờ anh chị mang về cất dùm. Như vậy, tại nhà anh chị nuôi của tôi có cả 2 "tài sản lịch sử của tôi":

Cuốn chép tay các bài hát Việt, Anh, Pháp" và "cuốn Tự Điển Anh-Việt do tôi chép lại".

Tôi vượt biên lần thứ 4 từ Rạch Giá sang Thái Lan trong tháng 1/1987, đến Mỹ trong tháng 8/1987 và sống tại Utah cho đến bây giờ. Năm 1994, có anh Hiệp, người bạn lối xóm của tôi về thăm gia đình bên Việt Nam, tôi nhờ anh Hiệp ghé nhà anh chị nuôi của tôi ở Thị Nghè, nhận lại 2 "báu vật của tôi" và mang dùm qua đây cho tôi (tôi được nhận lại ngày 13 tháng Giêng năm 1994). Thế là từ đó, hai báu vật này được trân trọng nằm ở kệ sách trong "văn phòng" của tôi tại nhà.

Mỗi khi xử dụng hai báu vật này, chúng làm tôi gợi nhớ đến gần 10 năm cơ cực, đói khổ và bị đọa đày trong lao tù Cộng Sản. Nhưng đối với cái mà tôi cho là "một phép lạ" đã giúp tôi vượt biết bao là khó khăn để thực hiện được hai báu vật này rồi biết bao "trần ai" mới gởi được về tới nhà anh chị nuôi. Và cuối cùng, hai báu vật này cũng đã vượt trùng dương để đoàn tụ với "khổ chủ" của chúng.

Ngày 30 tháng 4/1975, tôi đau lòng và khóc thật nhiều khi phải đốt bỏ những kỷ vật thân thiết và bây giờ, thì ngược lại, tôi rất vui, rất hãnh diện và rất trân quý những kỷ vật đời người mà tôi đã thực hiện được khi còn trong tù, kể từ sau ngày bị đánh mất Quê Hương!

Qua bài viết này, tôi chỉ muốn ghi lại những kỷ niệm buồn vui của đời mình, qua thời gian và không gian khác nhau.

Những kỷ vật tôi nhắc đến ở đây, có thứ đã mất đi theo vận nước và có thứ, tuy được thực hiện trong tù, nhưng tôi lại đang có trong tay, và chúng mãi mãi vẫn nằm trong tim mình với điệp khúc đời người... để nhớ, để quên!

**MX Phan Công Tôn**